

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/07/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTCl+P6+ClI	7:25	7+15+0	0+0+0		6+15+1	0+0+0	ClI 1NG NHA MAT
2		TD1+P10+BK10	7:25	22+0+0	0+0+0		19+2+1	0+0+0	
3		ClO+TD3	7:25	9+12	0+0		5+16	0+0	
4		VSP01+AMD	7:25	17+5	0+0		13+9	0+0	
5		TD1+ClO+RC4	9:25	13+8+1	0+0+0		2+19+1	0+0+0	
6		P8+TD5	9:25	8+14	0+0		7+15	0+0	
7		P4+P9+PPD	9:25	8+0+14	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYỂN 4 P4-P9
8		ClO+RP3	9:25	7+15	0+0		3+19	0+0	
9		AMD+P4	11:25	10+12	0+0		5+17	0+0	
10		PPD+P8	11:25	6+16	0+0		2+20	0+0	
11		AMD+TGTH5	11:25	21+1	0+0		20+2	0+0	
12		TTCl+VSP01	13:25	8+14	0+0		5+17	0+0	
13		P6+TTCl+VSP01	13:25	21+1+0	0+0+0		15+3+4	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ đi về trong ngày P6-3ng, VSP01-3ng, TTCl-1 ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/07/2020	TO: TTC1 - P6 - CLI	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HƯNG - Dương - Luy	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAKAROV	TTC1	87	1	5		90	ANTOAN	Russian
2	LÊ TUÂN VŨ	TTC1	92	1	5	50	65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRUNG THUY	TTC1	90	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU HẬU	TTC1	88-89	2	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG LONG HAI	TTC1	93-94	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THÈ HỒI	TTC1	86	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	GLYBOVSKI ANATOLI	TTC1	91	1	10		80	KH-THAC	Russian
8	ĐÌNH QUANG TRUNG	P6	93	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	BONDARENKO	P6	40	1	5		90	KH-THAC	Russian
10	POPOV	P6	88	1	4		75	KH-THAC	Russian
11	AVAKIAN	P6	42	1	3		92	KH-THAC	Russian
12	NGUYỄN NGÔ HOÀN	P6	63	1	5		70	YTE	Vietnamese
13	LÊ HUY MẠNH	P6	41	1	5	40	80	KH-THAC	Vietnamese
14	GOLOVIN	P6	90-91	2	17		115	KH-THAC	Russian
15	NGUYỄN VĂN TÀI	P6	94	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG TUÂN	P6	89	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH SỸ	P6	97-98	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ ĐỨC HÒE	P6	65	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN CŨ	P6	66	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	MAI MẠNH KHANH CƯỜNG	P6	95-96	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THIN	P6	64	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN PHỤ	P6	92	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	7	9	45	497	50	6		
2	P6	15	18	108	1.137	40	15		
3	CLI	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	27	153	1.634	90	22		
WEIGHT KG				153	1.634	90			

GRAND TOAL: 1.877 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD1 - P10 - BK10	CREW: QViệt - Khang - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	FOK S.I	TD1	82	1	9		134	DIEUHAN	Russian
2	DUONG THANH TUNG	TD1	62	1	10		74	D-HANH	Vietnamese
3	DENIS R.V	TD1	81	1	10		118	KHOAN	Russian
4	IOV RUSLAN	TD1	83	1	8		69	KHOAN	Russian
5	DOMIN IU.A	TD1	65	1	9		100	KHOAN	Russian
6	TẠ QUANG THANH	TD1	75-76	2	11		63	YTE	Vietnamese
7	TÔ ĐÌNH TUYNH	TD1	74	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
8	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	78	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ VĂN QUÝ	TD1	79	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN PHONG	TD1	71	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN QUANG	TD1	72	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
12	TRỊNH HUY TOÀN	TD1	70	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM QUANG ANH	TD1	69	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	73	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
15	HOÀNG NGỌC SƠN	TD1	80	1	3	30	56	KHOAN	Vietnamese
16	HỒ VĂN HẬU	TD1	66	1	9		62	KHOAN	Vietnamese
17	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	68	1	3		61	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN MẠNH*PVD	TD1	60	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
19	KIEU TUẤN ANH	TD1	61	1	9		80	DVL	Vietnamese
20	LE VĂN UAN	TD1	77	1	7		59	PSV	Vietnamese
21	LƯU ĐÌNH TRỌNG	TD1	67	1	15		76	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC BẢO	TD1	63-64	2	15		80	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	24	167	1.643	30	19		
2	P10	0	0	0	0	40	2		
3	BK10	0	0	0	0	25	1		
TOTAL		22	24	167	1.643	95	22		
WEIGHT KG				167	1.643	95			

GRAND TOAL: 1.905 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 03	TO: CLO - TD3	CREW: LHaI - KHAI - HTNam	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ NGỌC HOÀN	CLO	28	1	5	20	87	KHOAN	Vietnamese
2	SUKHOMLIN	CLO	26	1	6		122	KHOAN	Russian
3	ĐINH XUÂN PHÚ*TT	CLO	27	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN QUANG HIEN	CLO	31	1	6	16	64	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	30	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN KHOA	CLO	33-34	2	6		65	KHOAN	Vietnamese
7	PHÙNG BA TUAT	CLO	29	1	2		82	KHOAN	Vietnamese
8	NG VĂN THIN*MC-PVD	CLO	36-37	2	11		70	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	CLO	35	1	9		78	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN CONG BANG	CLO	39	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
11	OLEYNIK IVAN	TD3	67	1	6	18	75	KHOAN	Russian
12	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD3	64	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN HỮU THỌ	TD3	66	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
14	HOÀNG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	48	1	2		96	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM HUNG DUONG	TD3	47	1	6		94	KHOAN	Vietnamese
16	HUYNH AI HUU	TD3	45	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	65	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
18	NG VĂN HUY THAI	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ TIỀN DUNG	TD3	42	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	44	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM DUONG HAI	TD3	46	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
22	PHAN CHINH QUY	TD3	43	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	10	12	63	794	36	5		
2	TD3	12	11	49	919	18	16		
TOTAL		22	23	112	1.713	54	21		
WEIGHT KG				112	1.713	54			

GRAND TOAL: 1.879 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	TO: VSP01 - AMD	CREW: Thanh - CHIẾN - Toan	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM THANH HÀ	VSP01				13	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN SĨ TOÀN	VSP01				14	70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN MAI NAM	VSP01				50	74	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ QUANG THANH	VSP01	02-03	2	15		69	YTE	Vietnamese
5	POPOV A.A.	VSP01	05	1	5		120	KH-THAC	Russian
6	PASKEVICH V.V.	VSP01	06	1	13		100	KH-THAC	Russian
7	TRƯỜNG HIỀN	VSP01	12	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ QUANG HUY	VSP01	10	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
9	TRƯỜNG THANH PHÚ	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	08	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
11	GURIN V.V.	VSP01	04	1	6		100	KH-THAC	Russian
12	NGUYỄN NGỌC LÂN	VSP01					68	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN DUY BÌNH	VSP01	11	1	2		92	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	07	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG NAM	VSP01	01	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN MÍT	VSP01	09	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01					79	KH-THAC	Vietnamese
18	TRINH THUONG MAI	AMD	01-02	2	16	40	58	TLJOC	Vietnamese
19	NGO SY DUC	AMD	07-08	2	16		74	HLJOC	Vietnamese
20	BUI XUÂN TẠO	AMD	03-04	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
21	TRINH VĂN PHA	AMD	06	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH TÂN	AMD	05	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	17	12	77	1.372	77	13		
2	AMD	5	8	55	329	40	9		
TOTAL		22	20	132	1.701	117	22		
WEIGHT KG				132	1.701	117			

GRAND TOAL: 1.950 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/07/2020	TO: TD1 - CLO - RC4	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HƯNG - Dương - Luy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HOÀI THIÊN	TD1	10	1	5		75	DVL	Vietnamese
2	NHÂM ĐỨC TUÂN	TD1	20-21	2	10		65	DVL	Vietnamese
3	BUI HUY BĂNG	TD1	19	1	5		67	DVL	Vietnamese
4	VUONG KIEN QUOC	TD1	09	1	5		80	DVL	Vietnamese
5	DƯƠNG VĂN THẠCH	TD1	12	1	5		71	PSV	Vietnamese
6	HOANG VĂN BAY	TD1	16	1	5		60	PSV	Vietnamese
7	TRIỆU MINH HỒNG	TD1	13	1	5		67	PSV	Vietnamese
8	HÀN VĂN HIẾU	TD1	26	1	5		65	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN THUẬT	TD1	15	1	5		78	PSV	Vietnamese
10	ĐẠU ĐỨC HUNG	TD1	18	1	5	60	78	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH CÔNG	TD1	11	1	5		70	PSV	Vietnamese
12	ĐẠU VIỆT BẮC	TD1	17	1	5		70	PSV	Vietnamese
13	VŨ VĂN PHÚC	TD1	14	1	5		55	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY DONG	CLO	45	1	5		67	PSV	Vietnamese
15	VŨ MẠNH HUNG	CLO	48	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ VĂN ĐĂNG	CLO	46	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
17	BUI XUAN DUY	CLO	97	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH TIẾN	CLO	40	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	NG VĂN LỰC*CAM-PVDT	CLO	43	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
20	YANCHENKO	CLO	42	1	12		80	ANTOAN	Russian
21	DƯƠNG ĐÌNH DŨNG	CLO	44	1	5		65	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN XUÂN ANH	RC4	01	1	5		76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	13	14	70	901	60	2		
2	CLO	8	8	47	534	0	19		
3	RC4	1	1	5	76	40	1		
TOTAL		22	23	122	1.511	100	22		
WEIGHT KG				122	1.511	100			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	TO: P8 - TD5	CREW: QViệt - Khang - Năm	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN QUY	P8					66	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN ĐÔNG	P8	07	1	6	80	84	YTE	Vietnamese
3	OVCHARENKO A N	P8	01	1	5		86	KH-THAC	Russian
4	HUYNH CHANH PHAT	P8	04	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
5	LUƠNG VĂN QUYẾT	P8	05	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TUẤN ANH	P8	06	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUANG HIỀN	P8	03	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
8	TIKHONOV A.N	P8	02	1	10		95	KH-THAC	Russian
9	ALEKSANDROV A.A	TD5	33	1	4		86	KHOAN	Russian
10	ARUSHANOV S.V	TD5	44	1	13		107	KHOAN	Russian
11	ĐÌNH VĂN SỰ	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VĂN HIỀN	TD5	40	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
13	VI HÙNG CUÔNG	TD5	36	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY KHÁNH	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN ANH	TD5	38	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM VĂN KHOAN*PK-PVD	TD5	41	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
17	HOÀNG NHẬT QUANG	TD5	37	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH HỮU	TD5	34-35	2	17		85	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THỜI	TD5	42	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM TIẾN CHUNG*KSCK	TD5	43	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
21	LAM VĂN HẠNH	TD5	39	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
22	VŨ VĂN TRUNG	TD5	32	1	9		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	8	7	40	583	80	7		
2	TD5	14	13	84	1.046	0	15		
TOTAL		22	20	124	1.629	80	22		
WEIGHT KG				124	1.629	80			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 07	TO: P4 - P9 - PPD	CREW: L Hải - KHAI - HTNam	ETA: 11:35
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THANH AN	P4	60	1	5	70	65	KHI	Vietnamese
2	HOANG VAN HUNG	P4				15	76	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN THANH TRUNG	P4	72-73	2	15		70	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN DUC HANH	P4					68	KHI	Vietnamese
5	DOAN THANH CONG	P4	62	1	6		72	KHI	Vietnamese
6	HOANG TRONG TAN	P4	61	1	5		79	KHI	Vietnamese
7	DO DUC LONG	P4	63	1	3		55	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN HONG PHUC	P4	67	1	5		71	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN QUANG	PPD	10	1	4	40	64	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN VIET DAI	PPD	09	1	7		73	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN HUY TRUONG	PPD	11	1	5		65	KHI	Vietnamese
12	TRAN NGUYEN TAN TAI	PPD	06	1	7		95	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN CUONG	PPD	08	1	3		64	KHI	Vietnamese
14	DINH NGOC QUY	PPD	02	1	4		72	KHI	Vietnamese
15	ĐANG HONG QUAN	PPD	03	1	6		75	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC ANH	PPD	12-13	2	18		65	KHI	Vietnamese
17	VÔ QUANG DAT	PPD					60	KHI	Vietnamese
18	LÊ HỒNG PHONG	PPD	01	1	7		82	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN VAN CHIEN	PPD	07	1	5		53	KHI	Vietnamese
20	BUI NGOC HUONG	PPD	05	1	7		64	KHI	Vietnamese
21	ĐAO ANH TUAN	PPD	14	1	5		66	KHI	Vietnamese
22	NGHIEM XUAN MINH	PPD	04	1	5		62	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	8	7	39	556	85	0	+4	CHUYEN 4 PAX P4 SANG P9
2	P9	0	0	0	0	0	0		
3	PPD	14	14	83	960	40	22		
TOTAL		22	21	122	1.516	125	22		
WEIGHT KG				122	1.516	125			

GRAND TOAL: 1.763 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/07/2020	TO: CLO - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Thanh - CHIẾN - Toan	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM MINH DUC	CLO	49	1	5		86	PSV	Vietnamese
2	LUU VAN TRONG	CLO	52	1	4		58	PSV	Vietnamese
3	DOAN VAN DU	CLO	55	1	7		67	PSV	Vietnamese
4	HOANG NGOC HOA	CLO	54	1	5		66	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN DANG NGOC	CLO	50	1	4		75	PSV	Vietnamese
6	LE VAN HUNG	CLO	51	1	3		60	PSV	Vietnamese
7	PHAN MINH TUAN	CLO	53	1	5		74	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG TAM	RP3	31	1	7	40	69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG NAM	RP3	32	1	5		83	KHI	Vietnamese
10	VU MANH CUONG	RP3	42	1	3		70	KHI	Vietnamese
11	LE DUC VIET	RP3	36	1	4		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN CHINH THI	RP3	35	1	4		75	KHI	Vietnamese
13	PANKRATOV P.E	RP3	41	1	10		90	KHI	Russian
14	BUI VAN HUNG	RP3					71	KHI	Vietnamese
15	LE HOANG ANH	RP3	44	1	4		70	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN TAT THANH	RP3	43	1	5		68	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN THANH HA	RP3	37	1	8		84	KHI	Vietnamese
18	LE XUAN HIEN	RP3	38	1	10		74	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN VIET KY	RP3					69	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VAN BINH	RP3					65	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN HIEU	RP3	40	1	5		58	PSV	Vietnamese
22	TRAN VAN CAN	RP3	39	1	5		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	7	7	33	486	0	3		
2	RP3	15	12	70	1.087	40	19		
TOTAL		22	19	103	1.573	40	22		
WEIGHT KG				103	1.573	40			

GRAND TOAL: 1.716 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	TO: AMD - P4	CREW: Vận - VAnh - QTrưởng	ETA: 13:30
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	44-45	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TÂN	AMD	41	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐÌNH HIỆU	AMD	42-43	2	14		74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỒNG LINH	AMD	48	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC HẬU	AMD	51	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẠO ĐỨC HUY	AMD	46	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ NGỌC DƯƠNG	AMD	52	1	6	100	60	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG HỒ NGHĨA	AMD	50	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI SỸ QUYÊN	AMD	49	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC THU	AMD	47	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI DANG TIEN	P4	75	1	5		70	KHI	Vietnamese
12	TẠ VĂN QUYNH	P4					74	KHI	Vietnamese
13	PHẠM HỮU THỌ	P4	76	1	6		65	KHI	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THAI	P4	79	1	5		61	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	74	1	6		68	KHI	Vietnamese
16	TRẦN VĂN PHÚC	P4	77-78	2	7		68	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ANH	P4	81-82	2	10		60	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TÂN HOÀNG	P4	88	1	7		58	KHI	Vietnamese
19	LÊ NGỌC TUÂN	P4	80	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN BÀ SƠN	P4	84-85	2	19		68	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI CÔNG ĐỊNH	P4	86-87	2	20		103	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG KIỂM	P4	83	1	5		80	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	10	12	80	690	100	3		
2	P4	12	15	97	850	0	17		
TOTAL		22	27	177	1.540	100	20		
WEIGHT KG				177	1.540	100			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/07/2020	TO: PPD - P8	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:05
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: L Hải - KHAI - HTNam	ETA: 13:45
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	46	1	5		72	KHI	Vietnamese
2	HÀ THẾ BAO	PPD					78	KHI	Vietnamese
3	PHẠM VĂN THIẾT	PPD	47-48	2	10	15	65	KHI	Vietnamese
4	TRỊNH QUỐC THANH	PPD	50-51	2	15		80	KHI	Vietnamese
5	BUI MINH TRÍ	PPD	42-44	3	10		65	T-TIN	Vietnamese
6	PHẠM THANH HÙNG	PPD	45	1	5		60	PSV	Vietnamese
7	LÊ VĂN TÂN	P8	90	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC VIỆT	P8	95	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU DŨNG	P8	94	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC TIẾN	P8	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN HAI	P8	96	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	P8	15	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN LỢI	P8	12-13	2	16		60	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN ANH ĐỨC	P8	97	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT KHA	P8	98	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT HOA	P8	14	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THANH HOÀNG	P8	16	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH VINH	P8	17	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẠO ĐỨC THAI	P8	93	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	P8	91	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	68	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	HOÀNG TRUNG HẬU	P8	89	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	6	9	45	420	15	2		
2	P8	16	17	91	1.035	0	20		
TOTAL		22	26	136	1.455	15	22		
WEIGHT KG				136	1.455	15			

GRAND TOAL: 1.606 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:55
FLIGHT: 11	TO: AMD - TGTH5	CREW: Hòì - MTuấn - DTùng	ETA: 13:35
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN VĂN DŨNG	AMD	27	1	7	40	78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	AMD	20	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	VI TRẦN TÂN THUẬN	AMD	31-32	2	17		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TRUNG	AMD	19	1	10		79	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN MINH ĐỨC	AMD	35	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TÍNH	AMD	28-29	2	18		75	CODIEN	Vietnamese
7	ĐẶNG QUANG LỘC	AMD	18	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN LEM	AMD	22	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
9	HOANG ĐỨC HAI	AMD	21	1	11		65	CODIEN	Vietnamese
10	TRẦN ĐUÔNG	AMD	30	1	13	11	63	CODIEN	Vietnamese
11	PHI DUY HOAN	AMD	36	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
12	LÊ THANH BỌ	AMD	34	1	6		54	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG LINH	AMD	33	1	7		70	CODIEN	Vietnamese
14	HUYNH VĂN HẾT	AMD	55-56	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
15	BUI QUANG CÔNG	AMD	15-16	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC PHÁT	AMD	09	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ QUY BƯỜNG	AMD	12-13	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NAM	AMD	14	1	12	32	60	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG BẠCH	AMD	23-24	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN CUÔNG	AMD	25-26	2	15		58	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN CAO TẶNG	AMD	17	1	5		72	PSV	Vietnamese
22	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	TGTH5	31	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

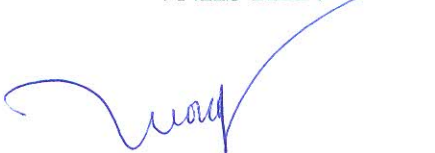
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	21	28	244	1.421	83	20		
2	TGTH5	1	1	7	58	0	2		
TOTAL		22	29	251	1.479	83	22		
WEIGHT KG				251	1.479	83			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/07/2020	TO: TTC2 - VSP01	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:00
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Vận - VAnh - QTrưởng	ETA: 15:40
TRANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG QUỐC BẢO	TTC2					63	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VĂN THỰC	TTC2	39	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
3	TẠ MẠNH HÙNG	TTC2	10	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN MINH	TTC2	37	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ HUU CHINH	TTC2	11	1	10	30	62	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ BA HÒA	TTC2	38	1	16		75	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ XUÂN TÂM	TTC2	36	1	12	10	75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC2	14	1	2		72	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01	55	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
10	HUYNH VĂN THON	VSP01					78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ XUÂN ĐỨC	VSP01	57	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOANG LONG	VSP01	64	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH VĂN HOANG	VSP01	60-61	2	17		55	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN THUY	VSP01					78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	59	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH THĂNG	VSP01	63	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
17	DOÃN VIỆT ĐĂNG	VSP01	65-66	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	58	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THUY	VSP01	67	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	62	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN CÔNG MẠNH	VSP01	56	1	6		80	PSV	Vietnamese
22	VŨ NGỌC HÙNG	VSP01	68	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	8	7	54	544	40	5		
2	VSP01	14	14	74	955	0	17		
TOTAL		22	21	128	1.499	40	22		
WEIGHT KG				128	1.499	40			

GRAND TOAL: 1.667 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:05
FLIGHT: 13	TO: P6 - TTC1 - VSP01	CREW: Hôi - MTuấn - DTùng	ETA: 15:45
NAU-4..			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN ĐOÀ	P6					60	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ THANH ĐO	P6	01	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
3	LAM VĂN KHUÔNG	P6	04	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÔNG XUÂN PHU	P6	12-13	2	13		60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HOÀNG TÙNG	P6	10	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO VAN SANG	P6	05-06	2	8	12	60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC AN	P6	19	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÀO KIM SÂM	P6	08	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HUY THÔNG	P6	11	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY HÙNG	P6	02-03	2	17		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG	P6	09	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG THAI SƠN	P6	14	1	9		84	KH-THAC	Vietnamese
13	YUKHIMCHUCK	P6	22	1	9		86	KH-THAC	Russian
14	VŨ ĐỨC SANG	P6	16	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ TRỌNG NHIÊN	P6	15	1	12		54	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ THAI THÀNH	P6	21	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH QUỐC TRƯỜNG	P6	26	1	12		75	GETRACO	Vietnamese
18	TRẦN VĂN VIỆT A	P6	17	1	3		66	GETRACO	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY CẢNH	P6	20	1	5		54	GETRACO	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC SƠN	P6	18	1	5		80	GETRACO	Vietnamese
21	PHẠM XUÂN HUY	P6	27	1	5		84	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYỄN NAM SƠN	TTC1	98	1	7	10	82	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	21	23	169	1.466	52	15		
2	TTC1	1	1	7	82	10	3		
3	VSP01	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	24	176	1.548	62	22		
WEIGHT KG				176	1.548	62			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/07/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+P9+p8	7:25	22+0	0+0		15+7	0+0	P8-người nhà mat
2		CTK3+TD2+ bK15	7:25	20+2	0+0		18+4	0+0	them diem bK15 đón 4 ng ↓
3		CLO+CTK3+bK15	9:25	9+13+0	0+0+0		0+16+2	0+0+0	
4		BK16+CLO	9:25	6+16	0+0		5+11	0+0	
5		T.UNG	12:00	19	0		16	0	

TTBĐSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2020	TO: TD2 - P9 - P8	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hồi - XHOÀN - MQUÂN	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN PHONG*TT	TD2					65	KHOAN	Vietnamese
2	VÕ SĨ HOÀI THANH	TD2	61	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
3	NGÔ QUANG HÙNG	TD2	47	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY KHANG	TD2	50	1	5		85	YTE	Vietnamese
5	TRẦN CÔNG HIỆN	TD2	57	1	8	40	70	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VĂN XUÂN	TD2	66	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	54	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÌNH NGỌC GIANG	TD2	67	1	6	10	78	KHOAN	Vietnamese
9	DƯƠNG HAI BĂNG	TD2	58	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN MINH	TD2	64	1	10	10	63	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	46	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN BÌNH	TD2	53	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN NAM THẮNG*MC-PVD	TD2	49	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	QUÁCH VĂN CÚ	TD2	52	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ HÙNG CƯỜNG	TD2	51	1	5		100	KHOAN	Vietnamese
16	TRƯƠNG HUY BÌNH-PVDT	TD2	59	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ TRƯỜNG LÂM	TD2	60	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	VU VĂN THUY	TD2	55	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG KHANH	TD2	63	1	10		85	ĐKVN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN HẠNH	TD2	48	1	10		80	DUNG-QUA	Vietnamese
21	ĐOÀN VĂN LÂN	TD2	62	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
22	BUI HỮU TRI	TD2	56	1	5		55	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	21	138	1.605	60	13		
2	P9	0	0	0	0	58	7		
3	P8	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	21	138	1.605	118	22		
WEIGHT KG				138	1.605	118			

GRAND TOAL: 1.861 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: CTK3 - TD2	CREW: Phong - ĐNam - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRỊNH QUỐC HUY	CTK3	20	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY HÀ	CTK3	01	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN DƯ	CTK3	02	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	23	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HIỂN	CTK3	16	1	5	40	68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	03	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI HỮU HUÂN	CTK3	09	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BÁ HUỆ	CTK3	14	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ THANH CHUNG	CTK3	17	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH HAI	CTK3	04	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN KHUÔNG	CTK3	11-12	2	8		79	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐAM VĂN THANH	CTK3	24	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN BẮC	CTK3	19	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ CẢNH HÙNG	CTK3	05-06	2	8		62	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN QUỐC KIỆM	CTK3					88	KH-THAC	Vietnamese
16	VU TRUNG KIẾN	CTK3	15	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỒNG MINH	CTK3	07-08	2	19		82	KH-THAC	Vietnamese
18	VU VĂN TIẾN	CTK3	18	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯƠNG ĐÌNH HUY	CTK3	10	1	13		65	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ MINH ĐỨC	CTK3	13	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN KIẾN	TD2	03	1	5	35	57	GETRACO	Vietnamese
22	VU TUẤN ANH	TD2	04	1	5		65	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	20	22	131	1.371	40	16		
2	TD2	2	2	10	122	35	6		
TOTAL		22	24	141	1.493	75	22		
WEIGHT KG				141	1.493	75			

GRAND TOAL: 1.709 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	TO: CLO - CTK3 - BK15	CREW: HỒi - XHOÀN - MQUÂN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG THANH HÒA	CLO	78	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
2	KURPASOV	CLO					70	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN HỮU TÂN	CLO	81	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TÚ ANH	CLO	77	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	CLO	73	1	6	40	65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ NGỌC DUYỀN	CLO	72	1	12		72	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HIỆU	CLO	71	1	15		85	DVL	Vietnamese
8	TRƯƠNG MINH KHÁNH	CLO	76	1	11		71	DVL	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN HOÀNG	CLO	74-75	2	8		63	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	31	1	9		81	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ HỮU HÀ	CTK3	26	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN BÌNH	CTK3					83	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	30	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN HÈ	CTK3	28	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NHÀN KHANH	CTK3	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TÚ THẮNG	CTK3	25	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	27	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	CTK3	36	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HOÀNG ĐÀN	CTK3	32	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
20	PANKRATOV	CTK3	37	1	18		97	ANTOAN	Russian
21	TRẦN DUY THÔNG	CTK3	35	1	5		80	ANTOAN	Vietnamese
22	TRẦN NGỌC HUY	CTK3	33-34	2	6		65	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	9	9	71	623	40	0		
2	CTK3	13	13	80	965	0	17		
3	BK15	0	0	0	0	40	4		
TOTAL		22	22	151	1.588	80	21		
WEIGHT KG				151	1.588	80			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 4	TO: BK16 - CLO	CREW: Phong - ĐNam - HIẾU	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN LÂM	BK16	88	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN HÙNG	BK16					82	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ MINH THĂNG	BK16	87	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯU ĐỨC TUÂN	BK16	86	1	4	55	80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MUỘI	BK16	89	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN XUÂN HOA	BK16					71	PSV	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC THĂNG	CLO	56-57	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAN TIẾN DŨNG	CLO	63	1	7		68	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ QUANG HOÀ	CLO	71-72	2	13		70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRỊNH ĐẮC HÙNG	CLO	58	1	16		66	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐẠO HỮU TUYẾN	CLO	61-62	2	18		69	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VĂN HÙNG	CLO	22-23	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM CÔNG HÌNH	CLO	65-66	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THUY	CLO	21	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI HỒNG SANG	CLO	60	1	11	11	95	XAYLAP	Vietnamese
16	LUƠNG NHƯ THIÊN	CLO	67-68	2	13		62	XAYLAP	Vietnamese
17	HOÀNG THANH BÌNH	CLO	69-70	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐỖ HUY KHANH	CLO	74	1	10		80	PSV	Vietnamese
19	NGÔ TRUNG LUYẾN	CLO	64	1	5		74	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN DUY	CLO	73	1	6		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	6	4	19	445	55	5		
2	CLO	14	21	185	969	11	11		
TOTAL		20	25	204	1.414	66	16		
WEIGHT KG				204	1.414	66			

GRAND TOAL: 1.684 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 12:15
FLIGHT: 5	TO: T.UNG	CREW: HLONG - MMinh	ETA: 15:30
DO-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM HUNG SON	T.UNG	03-04	2	12		57	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN DUC BINH	T.UNG					69	PVD	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC HIEU	T.UNG	33	1	7		68	PVD	Vietnamese
4	PHAM VAN THI	T.UNG					72	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN QUANG HOA	T.UNG	29	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
6	KIEU XUAN TAM	T.UNG	35	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
7	DAO DUY TU	T.UNG	34	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN TRỌNG	T.UNG	32	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG KIEN	T.UNG	30	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
10	VU DUY DUNG	T.UNG	05	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH HAI	T.UNG	31	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRUNG HIEU	T.UNG	28	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
13	DUONG VAN MANH	T.UNG	84-85	2	15		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HUY CONG	T.UNG	38	1	7		48	KH-THAC	Vietnamese
15	DOAN VIET DONG	T.UNG	37	1	6	23	77	CODIEN	Vietnamese
16	ĐỖ MINH HỘI	T.UNG	36	1	4		71	PSV	Vietnamese
17	ĐỖ ĐẶNG THANH	T.UNG	07	1	3		65	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN QUANG	T.UNG	01	1	6		63	PSV	Vietnamese
19	LÊ VIỆT HÙNG	T.UNG	06	1	5		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	19	19	110	1.284	23	16		
TOTAL		19	19	110	1.284	23	16		
WEIGHT KG				110	1.284	23			

GRAND TOAL: 1.417 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN